

NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ

HIỆN TƯỢNG TÍNH LƯỢC TRONG BIỂU THỨC NGỮ VI HỎI TRỰC TIẾP TIẾNG HÀN

Ellipsis in Korean direct questions performing expression

HOÀNG THỊ YẾN

(ThS ; Đại học Ngoại ngữ, ĐHQG Hà Nội)

Abstract: The Article will carries out the survey of Ellipsis Phenomenon of Korean direct question performing expression in connection with a context. The author determines and analyzes forms of ellipsis in direct question performing expression and classifies the relation between ellipsis and pre-assumption relating to Vietnamese. Analyzing and summarizing base on dialogues containing direct questions and answers from movies script in Korean.

Keyword: Ellipsis Phenomenon; direct question performing expression; question-answer .

1. Mở đầu

Phép tính lược được coi là hiện tượng loại bỏ bớt các thành phần trong phạm vi cú pháp và rộng hơn, là ngôn bản (văn bản). Tính lược ngôn ngữ là vấn đề nhận được quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu trong và ngoài nước. Cho đến nay, đã có khá nhiều công trình nghiên cứu về tính lược ngôn ngữ trong tiếng Hàn cũng như trong tiếng Việt¹.

Bài viết của chúng tôi kế thừa thành quả của những nghiên cứu đi trước, tiến hành khảo sát hiện tượng tính lược của biểu thức ngữ vi (BTNV) hỏi trực tiếp trong sự gắn kết với ngữ cảnh² nhằm thực hiện 2 nhiệm vụ nghiên cứu sau: i) phân tích các dạng thức tính lược trong BTNV hỏi trực tiếp, ii) làm rõ mối quan hệ giữa tính lược và tiền giả định trong tiếng Hàn, trong mối quan hệ với tiếng Việt. Các thao tác phân tích, tổng hợp dựa trên cứ liệu là các đoạn thoại chứa cặp trao đáp hỏi-trả lời của kịch bản phim truyền hình Hàn Quốc.

2. Một số khái niệm tiền đề

2.1. Biểu thức ngữ vi hỏi trực tiếp

Biểu thức ngữ vi (BTNV) hỏi trực tiếp thực hiện hành động hỏi (HĐH) trực tiếp nhằm yêu cầu cung cấp thông tin chưa biết muốn biết. Các BTNV hỏi trực tiếp mang hình thức của kết cấu nghi vấn trong sự phân biệt với các BTNV hỏi gián tiếp mang hình thức của các kết cấu khác³. BTNV hỏi trực tiếp có thể tiếp tục phân thành BTNV hỏi trực tiếp nguyên cấp và BTNV hỏi trực tiếp tường minh. BTNV tường minh với sự có mặt của động từ ngữ vi được cho là mang một hiệu lực ở lời mạnh hơn, tạo áp lực lớn cho người người tiếp nhận sự trao lời hơn một BTNV nguyên cấp⁴. Xét ví dụ sau:

Đoạn thoại 1:

준식: (진정시키며) 아니...결혼 못
하겠단 이유가 뭐야?

Junsik (trấn tĩnh): Vậy...lí do cậu không thể kết hôn là gì?

→ (BTNV hỏi trực tiếp nguyên cấp)

신호: (망설이고)...! Shinho (hoang mang)...!

준식 (버럭) 이유가 뭐냐고!!! Junsik (nổi cáu): (Tôi hỏi) Lí do là gì!!!

→ (BTNV hỏi trực tiếp tường minh- lược động từ ngữ vi)

신호: (망설인다)...! Shinho (hoang mang)...!

준식 (화나 먹살 잡으며) 대체 파혼하겠다는 이유가 뭐냐구 묻잖아 이눔아?

Junsik (nổi giận, túm ngực áo Shinho): Tao đang hỏi rớt cuộc thì lí do từ hôn là gì mà, cái thằng này?

→ (BTNV hỏi trực tiếp tường minh-sử dụng động từ ngữ vi)

신호: 저한테... 아이가 있습니다! (lược)⁵

Shinho: Cháu...có con ạ.

Đoạn thoại trên sử dụng ba dạng thức thực hiện HĐH thể hiện mức độ tường minh cao thấp khác nhau. Mức độ tường minh càng rõ đồng nghĩa với áp lực yêu cầu cung cấp thông tin ngày càng tăng, có thể biểu đồ hóa diễn tiến của vận động hội thoại theo sự gia tăng mức độ gay gắt như dưới đây:

BTNV hỏi trực tiếp tường minh- sử dụng động từ ngữ vi

Tao đang hỏi rớt cuộc thì lí do từ hôn là gì mà, cái thằng này?

↑

BTNV hỏi trực tiếp tường minh- lược động từ ngữ vi

(Tôi hỏi) Lí do là gì!!!

↑

BTNV hỏi trực tiếp nguyên cấp

Vậy...lí do cậu không thể kết hôn là gì?

Có thể thấy, cùng với sự thay đổi trong sử dụng các dạng thức của BTNV hỏi trực tiếp (nguyên cấp-tường minh (lược động từ ngữ vi)-tường minh (dùng động từ ngữ vi), kết hợp với các phương thức biểu đạt khác như: sử

dụng từ xưng hô hạ thấp (이눔- thằng này), từ thể hiện sự truy hỏi (대체-đại thể, rớt cuộc thì), đuôi kết thúc câu (묻잖아-hỏi...mà) v.v...trong tiếng Hàn và tiếng Việt đã đẩy nhanh tốc độ của diễn tiến vận động hội thoại, khiến cho không khí của cuộc thoại căng thẳng dần đến cực độ.

2.2. Tính lược ngôn ngữ

Phạm Văn Tình định nghĩa: ‘Phép tính lược văn bản là một dạng tính lược xảy ra giữa các phát ngôn, là sự lược bỏ các yếu tố mà người đọc có thể hiểu được nhờ mối liên hệ giữa các phát ngôn trong phạm vi một ngữ cảnh xác định’⁶.

Theo Phạm Văn Tình, hiện có hai xu hướng tiếp cận nghiên cứu phép tính lược chủ yếu: i) xem xét các câu tính lược theo quan điểm cú pháp thuần túy; ii) đặt các phát ngôn tính lược trong cả chuỗi phát ngôn mà chúng đang có mặt- tức gắn phát ngôn tính lược với bối cảnh giao tiếp ngôn ngữ cụ thể. Tác giả cũng đưa ra 3 điều kiện cho phép thực hiện phép tính lược trên văn bản như: i) ngữ cảnh giao tiếp; ii) có mối liên hệ logic-ngữ nghĩa (mạch lạc trong văn bản); iii) ý đồ và chiến lược giao tiếp⁷. Như vậy, trong hoàn cảnh giao tiếp cụ thể, tức trong một cuộc thoại / hay đoạn thoại, những yếu tố ngôn ngữ được người nói lược bỏ trong một phát ngôn (do thói quen, do có mục đích, ý đồ giao tiếp rõ ràng v.v...) vẫn được khôi phục nguyên vẹn trong nhận thức của đối tượng giao tiếp nhờ các yếu tố ngữ dụng, nhờ tác động tương hỗ, sự cộng tác tích cực của hai bên tham gia giao tiếp⁸.

Chúng tôi nhất trí theo quan điểm của tác giả, tiếp cận nghiên cứu hiện tượng tính lược (phép tính lược) dựa vào ngữ cảnh cần và đủ, cụ thể là xem xét BTNV hỏi chứa yếu tố bị tính lược trong mối liên hệ với các phát ngôn liên quan và các nhân tố tham gia chi phối nội dung ngữ nghĩa các phát ngôn đó⁹.

2.3. Các dạng thức tính lược trong biểu thức ngữ vi hỏi trực tiếp

Theo kết quả khảo sát của chúng tôi thì các dạng thức tình lược xuất hiện trong BTNV hỏi khá đa dạng và có thể xác lập thành 5 tiểu nhóm dưới đây¹⁰.

- 1) BTNV hỏi trực tiếp tình lược chủ ngữ,
- 2) BTNV hỏi trực tiếp tình lược vị ngữ,
- 3) BTNV hỏi trực tiếp tình lược cả chủ ngữ và vị ngữ,

4) BTNV hỏi trực tiếp tình lược các thành phần khác trong câu

- 5) BTNV hỏi trực tiếp tình lược tiểu từ

Bên cạnh đó, trong một BTNV hỏi trực tiếp, có thể tồn tại hơn một dạng thức tình lược kể trên. Để tiện cho việc tổng hợp và phân tích đặc trưng của từng dạng thức, chúng tôi sử dụng kí hiệu TL(tình lược) + số thứ tự của nhóm để đánh dấu trong các BTNV hỏi trực tiếp tương ứng. Ví dụ, TLn1= Tình lược chủ ngữ trong BTNV hỏi trực tiếp. Tương tự như vậy, chúng ta có TLn2, TLn3, TLn4, TLn5¹¹. Ở trong của tiểu từ tiếng Hàn khi dịch sang tiếng Việt chúng tôi tạm sử dụng kí hiệu (.) để miêu tả. Trong phạm vi của bài viết, ở phần tiết này, chúng tôi chỉ đi sâu phân tích 3 dạng thức đầu: tình lược chủ ngữ, vị ngữ và tình lược cả chủ ngữ và vị ngữ trong BTNV hỏi trực tiếp.

1) BTNV hỏi tình lược chủ ngữ

Đoạn thoại 2:

의사 1: ㅁ 어쩌다 다쳤어요? (TLn1) Bác sĩ1: (Anh) làm sao mà bị thương?

환자 1: ㅁ 축구를 하다가 넘어졌어요. (TLn1)

Bệnh nhân1: (Tôi) Đang đá bóng thì bị ngã.

의사 2: (무릎을 만지면서) 여기 ㅁ 아파요? (TLn5)

Bác sĩ2 (sờ đầu gối) Chỗ này(.) có đau không?

환자 2: 네, ㅁ 아파요. (TLn1) Bệnh nhân2: Có, (chỗ này) đau lắm¹².

Ở cặp trao đáp 1, trong tiếng Hàn, phát ngôn lược bỏ chủ ngữ vẫn tự nhiên nhưng trong tiếng Việt lại gây cảm giác cộc lốc, thiếu

lịch sự. Trong cặp trao đáp 2, BTNV hỏi trực tiếp có lược bỏ tiểu từ chủ cách nhưng trong tiếng Việt, ở vị trí này tồn tại ô trống bởi tiếng Việt, các ý nghĩa ngữ pháp diễn đạt bằng trật tự từ. Trong câu trả lời, có thể dễ nhận thấy phát ngôn tình lược tự nhiên hơn nếu khôi phục chủ ngữ ở cả hai ngôn ngữ.

BTNV hỏi trực tiếp tình lược chủ ngữ 1 là một ngữ động từ. Trong BTNV hỏi trực tiếp 2, trong tiếng Hàn tồn tại hai chủ ngữ: i) chỗ này và ii) bản thân bệnh nhân. Chủ thể của vị ngữ trạng thái đã ẩn đi, hay nói một cách khác, nó bị tình lược. Trong tiếng Việt, BTNV hỏi trên có thể khôi phục lại như sau: *Anh có đau ở chỗ này không?/ Chỗ này anh có bị đau không?* Tức là chủ ngữ thứ hai –chỗ này trong tiếng Hàn khi dịch sang tiếng Việt lại đóng vai trò là trạng ngữ trong câu. Lúc này, BTNV hỏi trực tiếp trong tiếng Việt mang một dạng thức khác-nó là một ngữ tính từ.

Phạm Văn Tình¹³ xác định dạng thức thứ 3 của ngữ trực thuộc tình lược chủ ngữ là danh từ hoặc ngữ danh từ. Chúng tôi thử vận dụng quan điểm của tác giả vào thực tế tiếng Hàn và tiếng Việt qua phân tích đoạn thoại dưới đây.

Đoạn thoại 3:

지우 1: ㅁ 누구야? 오빠? (TLn1) → Jiwo1: (Người đó) là ai thế, anh?

은우 1: 숫! Eunwo1: Suyt!

지우 2: ㅁ 아직두 안 갔어? (TLn1) → Jiwo2: (Bà ấy) Vẫn chưa đi à?

은우 2: 몰라! Eunwo2: Không biết!

지우 3: 그 아주마(.) 누구야? Jiwo3: Bà ấy là ai thế?

은우 3: ㅁ 엄마! → Eunwo3: (Bà ấy là) Mẹ!

지우 4: ㅁ 엄마...? (TLn3)→Jiwo 4: (Bà ấy là) Mẹ ư...?

은우 4: (끄덕이며) ㅁ 생각났어! ㅁ 엄마야! ㅁ 우리 엄마!¹⁴

→ Eunwo 4: (gật đầu) (Anh) Nhớ rồi. (Bà ấy) Là mẹ đây! (Bà ấy là) Mẹ của chúng mình!

Trong đoạn thoại trên, BTNV hỏi trực tiếp tính lược chủ ngữ 2 và 4 là các ngữ động từ. BTNV hỏi trực tiếp tính lược chủ ngữ 1 là ngữ danh từ với động từ vị ngữ là hệ từ 'là'.

2) *BTNV hỏi tính lược vị ngữ*

Đoạn thoại 4:

경서 1: 진주씨가 어떻게 여기 ㄹ.(TLn2)
Kyoungseo1: Cô Jinjoo sao lại (ở) đây?

진주 1: 저 ㄹ 여기 ㄹ 살아요. Jinjoo1:
Tôi(.) sống ở đây (.) mà.

경서 2: 그래요? Kyoungseo2: Thế à?

진주 2: 근데 한작가님이 여기까지 어떤
일이세요?(TLn2)

Jinjoo2: Nhưng biên kịch Han (tới) có việc gì thế?

경서 3: ㄹ 헤란씨 ㄹ 좀 보러 왔는데
진주씨가 ㄹ 얘기 ㄹ 좀 해 주세요?

(TLn4 + TLn5)

Kyoungseo3: Tôi đến gặp chị Hyera (.), cô Jinjoo có thể báo giúp (cho chị ấy) một tiếng(.) không?

진주 3: 선배님 ㄹ 지금 안 계신데. (lược)¹⁵
Jinjoo3: Nhưng chị ấy (.) không có nhà.

Vị ngữ bị lược một phần như trong BTNV hỏi 1 (Kyoungseo) và 2 (Jinjoo). Cả hai BTNV hỏi trực tiếp này đều bị lược bỏ động từ làm vị ngữ ('ở' và 'tới'). Có thể thấy, mặc dù vai trò của động từ làm vị ngữ trong câu là vô cùng quan trọng nhưng rõ ràng là mỗi ngôn ngữ lại có những khác biệt khá thú vị. Trong khi động từ làm vị ngữ của tiếng Việt không thể bị lược bỏ (như hai BTNV trên) thì ý nghĩa, giá trị thông báo, yêu cầu cung cấp thông tin của 2 BTNV hỏi trực tiếp trong tiếng Hàn vẫn được bảo toàn và vận động hội thoại diễn tiến suôn sẻ. Chúng ta cùng xét thêm ví dụ sau:

Đoạn thoại 5:

준식 1: 이 친구 ㄹ 검사 ㄹ 다 끝났습니까?
(TLn5)

Junsik1: Ông bạn này(.) (việc) khám (.) xong hết rồi chứ?

간호사 1: 예! ㄹ 다 끝났어요!

Y tá1: Vâng, (Anh ấy + việc kiểm tra) xong hết rồi ạ.

준식 2: ㄹ 하나도 빠짐없이 ㄹ 살살이 다
했어요? (TLn1 + TLn4)

ㄹ 대장이나 암검사 이런것두 다 ㄹ?
(TLn1 + TLn2 + TLn5)

Junsik2: (Câu ta) Kiểm tra tất cả (các mục) rồi chứ? (Câu ta kiểm tra cả đại tràng, cả tế bào ung thư (.) rồi?

간호사 2: 예, (웃으며) 그냥 ㄹ 모시구
가시면 됩니다!

Y tá2: Vâng, (cười) Bác đưa (anh ấy) về được rồi ạ!

준식 3: 검사 결과는 ㄹ 요?(TLn2)

Junsik3: Thế (còn) kết quả khám? (thế nào?)

간호사 3: ㄹ 일주일 뒤에 나올 겁니다.
그럼! (인사하고 가면)

Y tá3: (Kết quả kiểm tra) Sau một tuần mới có ạ. Vâng, (Chào bác)! (chào và đi)

준식 3: 예 ㄹ 수고했어.¹⁶ Junsik: Vâng,
(cô) vất vả quá.

BTNV hỏi do Junsik thực hiện ở cặp trao đáp thứ 3 trong đoạn thoại có vị ngữ bị lược bỏ hoàn toàn. Tuy nhiên, trong trường hợp này, ở cả hai ngôn ngữ, sự lược bỏ, rút gọn nhằm tiết kiệm ngôn ngữ này đều không gây trở ngại cho giao tiếp.

3) *BTNV hỏi tính lược chủ ngữ- vị ngữ*

Dạng thức thứ 3 của BTNV hỏi trực tiếp là tính lược cả hai thành phần chính chủ ngữ và vị ngữ. Xét đoạn thoại dưới đây:

Đoạn thoại 6:

동호 1: ...참! 보리씨! 무력이 아빠가
보건소에(서) 근무하던 의사라고 했죠?
Dongho1:...Chà! Cô Bori! Bố của Muleuki là
bác sĩ từng làm việc ở trạm y tế phải không?

보리 1: 야? ...그건... 왜 ø?(TLn3)

Bori1: Dạ? ... Cái đó... Tại sao (anh lại
hỏi)?

동호 2: 그냥 궁금해서 ø 요! ø 맞습니까?
(TLn3)

Dongho2: (Tôi) chỉ (là) tò mò (nên mới hỏi)
thôi! (Bố của Muleuki là bác sĩ từng làm việc ở
trạm y tế) Đúng không?

보리 2: 야...Bori2: ... Vâng.

동호 3: (곧어져) ø 알았어요! ø 어서 ø
먹어요! (나가면)

Dongho3 (sầm mặt) Được rồi (Tôi biết rồi!)
(Cô) ăn (com) đi! (đi ra)

보리 3: (의아하고)...?!¹⁷ Bori3 (nghe
ngờ)...?!

Cặp trao đáp hỏi-trả lời chính trong đoạn
thoại trên có một cặp trao đáp phụ-làm rõ lí do/
căn nguyên của yêu cầu cung cấp thông tin.
BTNV hỏi 1(Bori) nhằm xác định lí do / mục
đích của HĐH của Dongho bị lược bỏ cả chủ
ngữ và vị ngữ. Lời đáp và cả BTNV hỏi xác
nhận của Dongho 2 đều tỉnh lược chủ ngữ và
vị ngữ. So sánh BTNV hỏi đã tỉnh lược và
BTNV hỏi đã được khôi phục các thành phần ở
hai ngôn ngữ, có thể khẳng định một điều:
Trong một ngữ cảnh cụ thể, biện pháp tỉnh
lược quả thực đã giúp cho ngôn ngữ trong giao
tiếp trở nên ngắn gọn và súc tích hơn rất nhiều.

Ngoài các thành phần chính (chủ ngữ, vị
ngữ), các thành phần khác có thể bị tỉnh lược
trong BTNV hỏi trực tiếp xuất hiện khá đa
dạng. Đó là các thành phần câu như bổ ngữ,
định ngữ v.v...; các tiểu từ thể hiện ý nghĩa
ngữ pháp như tiểu từ chủ cách, tiểu từ bổ cách,
tiểu từ trạng cách v.v. Như đã đề cập ở trên,
tỉnh lược giúp các BTNV nói chung và các
BTNV hỏi nói riêng gọn gàng, súc tích, chuyên

tải thông báo rõ ràng và tường minh hơn. Tuy
nhiên, tỉnh lược cũng có mặt hạn chế của nó,
đó là có thể khiến cho TGD trong BTNV hỏi
trở nên thiếu tường minh, tạo thành trở ngại
trong giao tiếp. Vấn đề này được chúng tôi đề
cập trong nội dung tiếp theo đây.

2.4. Tỉnh lược ngôn ngữ và tiền giả định thiếu tường minh

Phần lớn các trường hợp tỉnh lược không
làm ảnh hưởng đến mức độ tường minh của
TGD. Tuy nhiên, cũng có một số trường hợp,
TGD trở nên thiếu tường minh bởi các yếu tố
ngữ cảnh không hỗ trợ đủ cho sự phán xét của
người nghe, hoặc do bản thân người nghe hiểu
sai hành vi chủ hướng của người nói.v.v. Như
trên đã đề cập, BTNV hỏi có thể bị tỉnh lược
nhiều thành phần nhưng tỉnh lược dễ dẫn đến
sự thiếu rõ ràng trong TGD chủ yếu xuất hiện
ở các trường hợp tỉnh lược chủ ngữ, vị ngữ, bổ
ngữ, định ngữ v.v. Sau đây, chúng tôi khảo sát
hai trường hợp: i) hiểu sai TGD, ii) không rõ
TGD. Cả hai trường hợp đều yêu cầu biểu thức
tường minh hóa TGD mới có thể tiếp tục diễn
tiến của vận động hội thoại và đi đến thực hiện
hành động trả lời-cung cấp thông tin thỏa mãn
nhu cầu nhận thức.

2.4.1. Hiểu sai tiền giả định

Như trên đã đề cập, hiện tượng tỉnh lược
chủ ngữ trong tiếng Hàn là khá phổ biến và
thường không ảnh hưởng nhiều lắm tới độ
tường minh của TGD. Tuy nhiên, thực tế giao
tiếp ngôn ngữ lại khá phức tạp và vẫn tồn tại
trường hợp hiểu sai TGD trong BTNV hỏi tỉnh
lược chủ ngữ, tuy hiếm gặp như tình huống
giao tiếp dưới đây.

Đoạn thoại 7:

영림: ø 괜찮아? Youngrim: ø Không sao
chứ?

혜란: ø 모르겠어. ø 괜찮아서 주무시는
건지 약 기운에 주무시는건지

Hyeran: Không biết. Ngủ do thuốc hay do
bình tâm lại rồi nữa.

영림: 언니 말고 너, 너 괜찮냐고?

Youngrim: Không phải mẹ mà là cháu, (cô hỏi) cháu không sao chứ?

혜란: 응 ㅇ 괜찮아¹⁸. Hyeran: Vâng, (cháu) không sao

Youngrim vừa là cô ruột-em gái của bố, vừa là người quản lý của Hyran-diễn viên điện ảnh nổi tiếng. Tuy nhiên, khi Hyeran vừa từ phòng của mẹ bước ra (mẹ cô bị một cú sốc tinh thần, sau khi được chăm sóc y tế đã thiếp ngủ), cô hiểu nhầm lời hỏi thăm của người cô là hướng tới mẹ chứ không phải bản thân mình. Vì vậy, chỉ khi Youngrim lặp lại HĐH với sự xác lập TGD tường minh thì thông tin phù hợp mới được cung cấp.

2.4.2. Không hiểu rõ tiền giả định

a. Không hiểu rõ TGD do bị lược thành phần chính

Đoạn thoại 8:

웅진: ㅇ 별일없이 ㅇ 잘 넘어간 거야?

Yongjin: ㅇVượt qua (mọi chuyện) thuận lợi chứ?

재용: 예? JaeYong: Dạ?

웅진: 애 엄마 말이야. ㅇ 감독 만나서 별일 없었대? Yongjin: Là nói mẹ con bé ấy. (Mẹ nó) bảo là gặp đạo diễn mọi chuyện tốt đẹp chứ?

재용: ㅇ 감독을 못 만나고 들어왔나봐요¹⁹. Jaeyong: Hình như (mẹ nó) không gặp được đạo diễn nên lại về rồi ạ.

TGD trong BTNVH trong đoạn thoại trên thiếu tường minh không chỉ vì bị tỉnh lược chủ ngữ mà còn vì tình huống/ thông tin liên quan không được cung cấp. Nói cách khác, người nghe không thể khôi phục được lượng thông tin mà các yếu tố / thành phần bị tỉnh lược truyền tải. Mặt khác, trong một BTNV, có thể tồn tại hơn một nguyên nhân khiến cho TGD mơ hồ, không rõ ràng. Chính vì vậy, trong đoạn thoại trên, để người nghe-anh con rõ cung cấp thông tin, người hỏi-bố vợ đã phải bổ sung thêm chủ ngữ bị tỉnh lược và cung cấp thông

tin liên quan trong biểu thức tường minh hóa TGD.

b. Không hiểu rõ TGD do bị lược các thành phần phụ

Đoạn thoại 9:

웅진 1: ㅇ 들어오면서 ㅇ 못 봤지? Yongjin1: Khi vào (anh) không gặp ㅇ chứ?

재용 1: ㅇ 누구?? ㅇ 혜란이 어머니요?

Jaeyong1: (Con gặp)Ai ạ? (Con gặp) Mẹ của Hyeran ấy ạ?

웅진 2: 응, ㅇ 갔지? ㅇ 벌써 갔지?

Yongjin2:Ừ, (bà ấy) đi rồi hả? (bà ấy) Đi rồi phải không?

재용 2: 예²⁰ Jaeyong2: Vâng ạ.

Đoạn thoại trên chứa BTNV hỏi 1 (Yongjin) bị lược bỏ chủ ngữ và bổ ngữ. Do là cuộc thoại tay đôi trực tiếp nên việc lược bỏ chủ ngữ-hướng tới người nghe không gây ảnh hưởng tiêu cực. Tuy nhiên, bổ ngữ bị lược bỏ đã khiến mức độ TGD trong BTNV trở nên thiếu tường minh. Người nghe ít nhiều suy đoán được phần thông tin bị tỉnh lược, nhưng vì chưa chắc chắn nên đã phải xác nhận lại TGD rồi mới thực hiện hành động trả lời, thỏa mãn nhu cầu nhận thức của đối tượng giao tiếp. Hãy xét thêm một ví dụ sau:

Đoạn thoại 10:

순임 1: ㅇ 병원이 어디예요? Sun im1: Bệnh viện ㅇ ở đâu?

영림 1: 네? Youngsim1: Dạ?

순임 2: 혜란이가 사산한 병원이에요 ㅇ.

Sunim2: Bệnh viện nơi Hyeran sảy thai (ở đâu)?

...(lược)...

영림 n: ㅇ 해산포에 있는 해산병원이에요.(lược)²¹

Youngrim: (Bệnh viện nơi Hyeran sảy thai) là bệnh viện Haesan ở Haesanpo.

Trong BTNV hỏi trực tiếp, định ngữ, thành phần xác định rõ bệnh viện mà Sunim định nói tới là bệnh viện nào đã bị lược bỏ. Tuy nhiên, không phải ngay sau khi TGD thiếu tường minh được tường minh hóa, Sunim có ngay thông tin mình chưa biết và rất mong sớm có được. Phải thêm một vài cặp trao đáp phụ (đã tính lược bớt), nhân vật này mới có được thông tin mà mình mong muốn từ người quản lý của con gái mình (diễn viên điện ảnh nổi tiếng) và cũng là em gái chồng mình.

Khi TGD trong BTNV hỏi trực tiếp thiếu tường minh do bị tính lược, biểu thức tường minh hóa cần khôi phục thành phần bị tính lược- tức cần bổ sung thông tin do thành phần bị tính lược cung cấp. Điều này cho thấy, trong giao tiếp ngôn ngữ, cần thận trọng khi tính lược ngôn ngữ. Đặc biệt, cần căn cứ vào hoàn cảnh giao tiếp cụ thể, phán đoán chính xác mức độ, vốn hiểu biết chung của đối tượng giao tiếp về vấn đề mình đề cập. Trên cơ sở đó, xác lập rõ ràng tiêu điểm hỏi trên cơ sở một TGD tường minh để giao tiếp thành công.

3. Kết luận

Tính lược ngôn ngữ vốn được coi là một phương thức thực hiện các hành động ngôn ngữ một cách kinh tế. Tuy nhiên, tính lược- không chỉ là một biện pháp tiết kiệm ngôn từ, còn có giá trị tăng tính liên kết phát ngôn và là một thủ pháp diễn đạt ngữ nghĩa của người nói theo các ý đồ thông báo khác nhau²². Dựa vào kết quả khảo sát và phân tích các dạng thức tính lược trong BTNV hỏi trực tiếp, ảnh hưởng của tính lược đến mức độ tường minh của TGD trong BTNV hỏi trên cú liệu tiếng Hàn, có thể tóm tắt kết quả nghiên cứu của bài viết như sau:

Dạng thức tính lược trong BTNV hỏi trực tiếp tiếng Hàn và tiếng Việt xuất hiện khá phong phú và ít nhiều có những khác biệt về khả năng tính lược trong yêu cầu đảm bảo về giá trị thông báo cũng như nguyên tắc lịch sự.

Hiện tượng tính lược có khả năng khiến TGD trong BTNV hỏi trực tiếp thiếu tường minh, gây trở ngại cho quá trình đáp ứng nhu

cầu nhận thức. Để diễn tiến vận động hội thoại thuận lợi, cần thực hiện thêm một hành động tường minh hóa TGD, khai thông vốn nhận thức chung, hướng tới cung cấp thông tin cần biết phù hợp tiêu điểm hỏi, đáp ứng nhu cầu nhận thức.

Bài viết trình bày những kết quả nghiên cứu khiêm tốn, bước đầu về phép tính lược trong tiếng Hàn nói chung và trong BTNV hỏi của đoạn thoại chứa cặp trao đáp hỏi-trả lời nói riêng. Hi vọng, những hạn chế và khoảng trống trong chuyên luận sẽ dần được khắc phục và phủ kín trong những nghiên cứu tiếp theo về lĩnh vực này.

Chú thích:

¹ Trong tiếng Việt có: Nguyễn Chí Hòa (1993), Một vài suy nghĩ xung quanh khái niệm ‘tính lược’, Ngữ học trẻ 96, Hội ngôn ngữ học VN, tr.52-54; Nguyễn Thượng Hùng (1992) Tính lược chủ ngữ trong câu tiếng Việt và tiếng Anh, Tạp chí Ngôn ngữ số 1, 1992, tr. 52-56; Phạm Văn Tinh (2002), Phép tính lược và ngữ trực thuộc tính lược trong tiếng Việt, Trung tâm KHXH và NVQG, NXB khoa học xã hội, 188tr v.v... Trong tiếng Hàn có: 감연임(2002). 한국어 담화와 생략, 이희문화사; 김기영(2001), 영어 담화에서의 생략 현상에 관한 연구, 인하 대학교 대학원; 이성범, 홍승진(2009), 생략적 발화의 화용적 기능), 서강대학교; 임규홍(2002), 국어 생략 현상에 대한 연구, 한국어 문학회; 임창국(2008), 생략현상 연구, 한국문화사; 양명희(2002), 국어 생략 현상, 국어국문학; 정연창 (2007), 주어 생략에 대한 소고, 한국어 학과 언어 학회; 정연창, 김은일(2006), 주어 생략과 모호성 조건, 어문학. 언어학.v.v...

² Liên quan đến nghiên cứu đối chiếu tính lược trong tiếng Hàn và tiếng Việt, có Nguyễn Thị Thanh Nga (2012), 한국어 명령문의 주어 생략 현상에 관한 연구: 베트남어와 비교하여 (Nghiên cứu hiện tượng tính lược chủ ngữ trong câu mệnh lệnh tiếng Hàn: so sánh với tiếng Việt), khóa luận tốt nghiệp, ĐHNN- ĐHQGHN, 2012, 45tr (tiếng Hàn).

³ Xem thêm Hoàng Thị Yến, *Nhận diện hành động hỏi gián tiếp trong tiếng Hàn và tiếng Việt*. Hội thảo Ngữ học toàn quốc lần thứ 17, Hội NNH và trường ĐH NN- Đại học Huế tổ chức tháng 4/2013.

⁴ Austin gọi các biểu thức ngữ vi có động từ ngữ vi là biểu thức ngữ vi tường minh (explicit). (Vd: ‘Tôi hỏi mai anh có đi không?’), gọi các biểu thức vẫn có hiệu lực ở lời nhưng không có động từ ngữ vi là biểu thức ngữ vi nguyên cấp (primary) hay biểu thức ngữ vi hàm ẩn (implicit). (Vd: ‘Mai anh có đi không?’). Dẫn theo Đỗ Hữu Châu *tuyển tập, tập 2 Đại*

ương-Ngữ dụng học- Ngữ pháp văn bản, NXB Giáo dục, 2005, tr 454-455.

⁵ *Mối nhân duyên tập 44*, cảnh 30.

⁶ Phạm Văn Tinh (2002), *Phép tính lược và ngữ trực thuộc tính lược trong tiếng Việt*, Trung tâm KHXH và NVQG, NXB khoa học xã hội, tr.31-32.

⁷ Phạm Văn Tinh (2002), *Phép tính lược và ngữ trực thuộc tính lược trong tiếng Việt*, Trung tâm KHXH và NVQG, NXB khoa học xã hội, tr.32-34.

⁸ 김기영 (2001), 영어 담화에서의 생략 현상에 관한 연구.

인하 대학교 대학원, tr37 cho rằng, mục đích việc sử dụng phép tính lược trong giao tiếp ngôn ngữ là nhằm tới i) tính kinh tế, ii) làm rõ thông tin mới, iii) tính nhấn mạnh. Xem thêm Nguyễn Thị Thanh Nga, (2012), 한국어 명령문의 주어 생략 현상에 관한 연구: 베트남어와 비교하여, khóa luận tốt nghiệp, ĐHNH- ĐHQGHN, tr16-21

⁹ Phạm Văn Tinh (2002), *Phép tính lược và ngữ trực thuộc tính lược trong tiếng Việt*, Trung tâm KHXH và NVQG, NXB Khoa học xã hội, tr.43

¹⁰ Phạm Văn Tinh (2002), *Phép tính lược và ngữ trực thuộc tính lược trong tiếng Việt*, Trung tâm KHXH và NVQG, NXB khoa học xã hội, gọi cấu trúc có thành phần bị tính lược là các ‘ngữ trực thuộc’: ngữ trực thuộc tính lược chủ ngữ, ngữ trực thuộc tính lược vị ngữ và ngữ trực thuộc tính lược chủ ngữ và vị ngữ. ở 04 dạng thức: i) biểu thức ngữ vị hỏi trực tiếp tính lược chủ ngữ; ii) biểu thức ngữ vị hỏi trực tiếp tính lược vị ngữ; iii) biểu thức ngữ vị hỏi trực tiếp tính lược chủ ngữ và vị ngữ và iv) biểu thức ngữ vị hỏi trực tiếp tính lược các thành phần phụ khác

¹¹ Trong phạm vi bài viết, chúng tôi xét các dạng thức tính lược trong BTNV hỏi trực tiếp qua một số đoạn thoại chứa cặp trao đáp hỏi-trả lời. Các dạng thức tính lược trong các biểu thức ngữ vị khác trong đoạn thoại chỉ được đề cập tới khi cần thiết, trong mối quan hệ với đối tượng chính là BTNV hỏi trực tiếp.

¹² 한국어 2- 국립국어원 58 쪽

¹³ Phạm Văn Tinh (2002), *Phép tính lược và ngữ trực thuộc tính lược trong tiếng Việt*, Trung tâm KHXH và NVQG, NXB khoa học xã hội, 188tr

¹⁴ *Mối nhân duyên, tập 28*, cảnh 4, trong phòng Jeonseol (đêm) dưới ánh sáng đèn bàn, Eunwo và Jiwo ngồi co ro về sọt set trong góc phòng.

¹⁵ *Bằng chứng ngoại tình, tập 25*, Phòng khách nhà Hyeran, Jinjoo mở cửa, Kyoungseo bước vào.

¹⁶ *Mối nhân duyên tập 32*, cảnh 18, Junsik (đang sốt ruột chờ)...! Shinho dường như đã khám xong được y tá đi ra, nét mặt về mệt mỏi...!

¹⁷ *Mối nhân duyên, tập 22*, cảnh 32.

¹⁸ *Bằng chứng ngoại tình, tập 45*, (Phòng khách tầng 1, nhà Hyeran/ Youngrim đang ngồi với JinJoo, Hyeran từ phòng trong bước ra.

¹⁹ *Bằng chứng ngoại tình, tập 41*, nhà Kyoungseo, Jaeyong đang đặt Hani ngủ.

²⁰ *Bằng chứng ngoại tình, tập 44*.

²¹ *Bằng chứng ngoại tình, tập 34*.

²² Dẫn theo Phạm Văn Tinh (2002), *Phép tính lược và ngữ trực thuộc tính lược trong tiếng Việt*, Trung tâm KHXH và NVQG, NXB khoa học xã hội, tr.22.

Tài liệu tham khảo

Tiếng Việt

1. Nguyễn Chí Hòa (1993), *Một vài suy nghĩ xung quanh khái niệm ‘tính lược’*, Ngữ học trẻ 96, Hội ngôn ngữ học VN, tr52-54;

2. Nguyễn Thượng Hùng (1992) *Tính lược chủ ngữ trong câu tiếng Việt và tiếng Anh*, Tạp chí Ngôn ngữ số 1, 1992, tr 52-56;

3. Nguyễn Thị Thanh Nga, (2012), *한국어 명령문의 주어 생략 현상에 관한 연구: 베트남어와 비교하여* (Nghiên cứu hiện tượng tính lược chủ ngữ trong câu mệnh lệnh tiếng Hàn: so sánh với tiếng Việt) khóa luận tốt nghiệp, ĐHNH- ĐHQGHN, 2012, 45tr (tiếng Hàn)

4. Phạm Văn Tinh (2002), *Phép tính lược và ngữ trực thuộc tính lược trong tiếng Việt*, Trung tâm KHXH và NVQG, NXB Khoa học xã hội, 188tr.

Tiếng Hàn

5. 김연임. 2002. 「한국어 담화와 생략」, 이회문화사.

6. 김기영. 2001. 「영어 담화에서의 생략 현상에 관한 연구」, 인하 대학교 대학원.

7. 이성범. 홍승진. 2009. 「생략적 발화의 화용적 기능」, 서강대학교.

8. 임규홍.2002. 「국어 생략 현상에 대한 연구」, 한국어 문학회.

9. 임창국.2008. 「생략현상 연구」, 한국문화사.

10. 양명희. 2002. 「국어 생략 현상」, 국어국문학.

11. 정연창. 2007. 「주어 생략에 대한 소고」, 한국어 학과 언어 학회.

12. 정연창. 김은일. 2006. 「주어 생략과 모호성 조건」, 어문학. 언어학.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 09-04-2013)